Người ký: HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
Email: hdnd@thuathienhue.gov.vn
Cơ quan: HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
Thời gian ký: 10.11.2026 09:01:29 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn thành phố Huế

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2026/NQ-HĐND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước (bao gồm vốn đầu tư và kinh phí chi thường xuyên) và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn thành phố Huế (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các chủ đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước để tổ chức, thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan sử dụng vốn ngân sách nhà nước để tổ chức, thực hiện Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

1. Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 135/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15; Nghị quyết số 46/2026/QH16; Nghị định số 387/2026/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; đẩy mạnh phân cấp quản lý nguồn vốn gắn với phân cấp quản lý đầu tư công trình và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Chương trình; phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quy định của trung ương và không trùng lặp nội dung, đối tượng với các chương trình, dự án khác đang thực hiện.

3. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, hiệu quả, bền vững nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; ưu tiên phân bổ vốn cho các xã khu vực III, II, I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã biên giới; phường biên giới; phường an toàn khu; xã có tỷ lệ nghèo đa chiều cao; xã phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới hiện đại; xã có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi cao; xã có tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên cao; ưu tiên các xã, phường được phân cấp quản lý di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; ưu tiên

phân bổ vốn để đầu tư giải quyết tình trạng phòng học tạm, phòng học cấp 4 xuống cấp cần kiên cố hóa; hoàn thiện cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tối thiểu cho các trường đáp ứng yêu cầu giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

4. Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm, dự toán kinh phí chi thường xuyên hằng năm theo từng địa phương, chủ đầu tư, đơn vị thực hiện; Hội đồng nhân dân thành phố không phân bổ chi tiết danh mục công trình, nhiệm vụ, mức vốn cụ thể thực hiện Chương trình.

5. Phân cấp phân bổ, giao và điều chỉnh kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước

a) Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân bổ chi tiết đối với các công trình, nhiệm vụ do các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và chủ đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm, dự toán kinh phí chi thường xuyên hằng năm thực hiện Chương trình; giao tổng mức vốn đầu tư kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm, dự toán kinh phí chi thường xuyên hằng năm cho các xã, phường theo hợp phần. Quyết định điều chỉnh mức vốn giữa các hợp phần từ các nội dung, hoạt động đã hoàn thành, hết nhiệm vụ chi, không còn nhu cầu thực hiện hoặc giải ngân thấp để thực hiện các nội dung, hoạt động khác thuộc Chương trình trong tổng mức vốn được giao bảo đảm không làm thay đổi cơ cấu nguồn vốn, mục tiêu, đối tượng thụ hưởng của Chương trình đã được Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

b) Hội đồng nhân dân thành phố phân cấp cho Hội đồng nhân dân xã, phường phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm chi tiết theo danh mục và mức vốn bố trí thực hiện dự án, nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý; điều chỉnh mức vốn các dự án đầu tư, nhiệm vụ trong cùng hợp phần đã được giao bảo đảm không làm thay đổi cơ cấu nguồn vốn, tổng nguồn vốn, mục tiêu, đối tượng thụ hưởng của Chương trình theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về giao kế hoạch, giao điều chỉnh kế hoạch các xã, phường.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ chung

1. Phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố

Theo nhiệm vụ, nội dung, tiến độ và nhu cầu vốn để thực hiện Chương trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm; dự toán ngân sách hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định.

2. Phân bổ cho các xã, phường

a) Theo nhiệm vụ, nội dung, tiến độ và nhu cầu vốn của Chương trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm; dự toán ngân sách hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định.

b) Tiêu chí, số điểm phân bổ theo đối tượng xã, phường

Tiêu chí theo đối tượng xã, phường	Điểm
Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã biên giới, phường biên giới, phường an toàn khu	5
Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4
Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3

Xã, phường còn lại	2,5
Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,25

Trường hợp xã, phường trùng các tiêu chí hỗ trợ theo đối tượng xã, phường, thôn thì chỉ được mức hỗ trợ theo tiêu chí cao nhất. Riêng thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không thuộc xã khu vực III, II, I, xã biên giới, phường biên giới, phường an toàn khu thì mỗi thôn được tính bằng 0,25 điểm.

c) Tiêu chí, số điểm theo diện tích tự nhiên

Diện tích tự nhiên	**Điểm**
Trên 20.000 ha	0,5
Từ 10.000 ha đến 20.000 ha	0,4
Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	0,3
Từ 2.500 đến dưới 5.000 ha	0,2
Dưới 2.500 ha	0,1

d) Tiêu chí, số điểm theo quy mô dân số

Tổng số người	**Điểm**
Trên 35.000 người	0,5
Từ 25.000 người đến 35.000 người	0,4
Từ 10.000 người đến dưới 25.000 người	0,3
Từ 5.000 người đến dưới 10.000 người	0,2
Dưới 5.000 người	0,1

Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương

1. Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương với ngân sách trung ương.

Tỷ lệ vốn ngân sách địa phương (bao gồm ngân sách thành phố và ngân sách xã, phường) đối ứng tối thiểu bằng 30% ngân sách trung ương phân bổ.

2. Tỷ lệ vốn đối ứng đầu tư công giữa ngân sách thành phố và ngân sách xã, phường như sau:

Nhóm	**Xã, phường**	**Tỷ lệ đối ứng (%)**	
		Ngân sách thành phố	**Ngân sách xã, phường**
Nhóm 1 (9 xã)	Các xã: A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4, A Lưới 5, Long Quảng, Nam Đông, Bình Điền và Khe Tre	100	0
Nhóm 2 (1 xã, 4 phường)	Xã Vinh Lộc; các phường: Phong Điền, Phong Phú, Phong Dinh, Phong Quảng	60	40
Nhóm 3 (7 xã, 6 phường)	Các xã: Đan Điền, Quảng Điền, Lộc An, Phú Lộc, Hưng Lộc, Phú Hồ, Chân Mây - Lăng Cô; các phường: Phong Thái, Thuận An, Kim Trà, Hương Trà, Dương Nỗ, Hóa Châu	50	50
Nhóm 4 (2 xã, 11 phường)	Các xã: Phú Vang, Phú Vinh; các phường: Phú Bài, Kim Long, Hương Thủy, Hương An, Mỹ Thượng, Thủy Xuân, An Cựu, Vỹ Dạ, Thanh Thủy, Thuận Hóa, Phú Xuân	40	60

3. Tỷ lệ vốn đối ứng chi thường xuyên giữa ngân sách thành phố và ngân sách xã, phường như sau:

Tỷ lệ đối ứng (%)	
Ngân sách thành phố	**Ngân sách xã, phường**
100	0

Chương II
NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN HỢP PHẦN NÔNG THÔN, DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

Điều 6. Tiêu chí phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố

1. Tiêu chí phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố theo khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Vốn đầu tư

a) Ngân sách trung ương phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố số vốn tối đa 15% tổng nguồn vốn ngân sách trung ương.

b) Ngân sách thành phố phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố để đối ứng.

3. Kinh phí chi thường xuyên

a) Ngân sách trung ương phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố số vốn tối đa 15% tổng nguồn vốn ngân sách trung ương.

b) Ngân sách thành phố phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố để đối ứng theo quy định.

Điều 7. Tiêu chí phân bổ vốn cho xã

1. Theo tiêu chí chung quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

2. Tiêu chí, số điểm phân bổ theo tỷ lệ nghèo đa chiều

Tỷ lệ nghèo đa chiều	Điểm
Trên 15%	5
Từ 10% đến 15%	4
Từ 5% đến dưới 10%	3
Từ 2% đến dưới 5%	2
Dưới 2%	1

3. Tiêu chí, số điểm phân bổ theo kế hoạch phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới hiện đại đến năm 2030: 5 điểm.

4. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn

a) Tổng điểm theo tiêu chí phân bổ của xã i được xác định như sau:

$$\mathbf{T_{xi} = TĐĐT_i + TĐN_i + TĐHĐ_i + TĐDT_i + TĐDS_i}$$

Trong đó:

T_{xi}: Tổng điểm phân bổ của xã i;

$TĐĐT_i$: Số điểm theo tiêu chí đối tượng của xã i;

$TĐN_i$: Số điểm theo tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều của xã i;

$TĐHĐ_i$: Số điểm theo tiêu chí nông thôn mới hiện đại của xã i;

$TĐDT_i$: Số điểm theo tiêu chí diện tích tự nhiên của xã i;

$TĐDS_i$: Số điểm theo tiêu chí quy mô dân số của xã i;

b) Ngân sách trung ương:

b1) Phân bổ vốn đầu tư ngân sách trung ương cho các xã được xác định như sau:

$$V_{TWđtx} = V_{TWđt} - V_{TWđtcđt}$$

Trong đó:

$V_{TWđtx}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương phân bổ cho xã;

$V_{TWđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương.

$V_{TWđtcđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ vốn đầu tư ngân sách trung ương ($G_{TWđtx}$) cho xã theo công thức sau:

$$G_{TWđtx} = \frac{V_{TWđtx}}{T_x}$$

Trong đó:

T_x: Tổng điểm phân bổ của tất cả các xã.

- Phân bổ vốn đầu tư ngân sách trung ương cho xã i ($V_{TWđtxi}$) được xác định như sau:

$$V_{TWđtxi} = T_{xi} \times G_{TWđtx}$$

b2) Phân bổ phần kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương cho các xã được xác định như sau:

$$V_{TWtxx} = V_{TWtx} - V_{TWtxsn}$$

Trong đó:

V_{TWtxx}: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho các xã;

V_{TWtx}: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương;

V_{TWtxsn}: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ (G_{TWtxx}) kinh phí chi thường xuyên cho xã theo công thức sau:

$$G_{TWtxx} = \frac{V_{TWtxx}}{T_x}$$

- Phân bổ kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương cho xã i (V_{TWtxxi}) được xác định như sau:

$$V_{TWtxxi} = T_{xi} \times G_{TWtxx}$$

c) Ngân sách địa phương:

c1) Phân bổ vốn đầu tư

- Vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho tất cả các xã ($V_{đpđtx}$) được xác định như sau:

$$V_{đpđtx} = V_{TWđtx} \times 30\% \times 50\%$$

Trong đó:

30% = tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương/ngân sách trung ương;

50% = phân bổ ½ lần vốn đầu tư ngân sách địa phương đối ứng.

- Vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho xã i ($V_{đpđtxi}$) được xác định như sau:

$$V_{đpđtxi} = T_{xi} \times \frac{V_{đpđtx}}{T_x}$$

+ Ngân sách thành phố phân bổ cho xã i ($V_{tpđtxi}$) được xác định như sau:

Vtpđtxi = Vđpđtxi x Tỷ lệ đối ứng của ngân sách thành phố theo khoản 2 Điều 5 Quy định này

+ Ngân sách xã i ($V_{đtxi}$) đối ứng được xác định như sau:

$V_{đtxi}$ = $V_{đpđtxi}$ x Tỷ lệ đối ứng của ngân sách xã i theo khoản 2 Điều 5 Quy định này

c2) Phân bổ kinh phí chi thường xuyên

- Kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương ($V_{ĐPtx}$) được xác định như sau:

$$V_{ĐPtx} = V_{TWtx} \times 30\%$$

- Kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương phân bổ cho các xã ($V_{đptxx}$) được xác định như sau:

$$V_{đptxx} = V_{ĐPtx} \times 50\%$$

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ ($G_{đptxx}$) theo công thức sau:

$$G_{đptxx} = \frac{V_{đptxx}}{T_x}$$

- Kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương phân bổ cho xã i ($V_{đptxxi}$) được xác định như sau: $V_{đptxxi} = T_{xi} \times G_{đptxx}$

Điều 8. Tiêu chí phân bổ vốn cho các phường

1. Theo tiêu chí quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Quy định này.

2. Ngân sách trung ương không phân bổ cho phường.

3. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn

a) Tổng điểm theo tiêu chí phân bổ của phường i được xác định như sau:

$$\mathbf{T_{pi} = TĐP_i + TĐN_i + TĐDT_i + TĐDS_i}$$

Trong đó:

T_{pi}: Tổng điểm phân bổ của phường i;

$TĐP_i$: Số điểm theo tiêu chí phường, phường biên giới, phường an toàn khu của phường i;

$TĐN_i$: Số điểm theo tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều của phường i;

$TĐDT_i$: Số điểm theo tiêu chí diện tích tự nhiên của phường i;

$TĐDS_i$: Số điểm theo tiêu chí quy mô dân số của phường i;

b) Phân bổ ngân sách địa phương

b1) Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ vốn đầu tư còn lại cho các phường được xác định như sau:

$$V_{đpđtp} = V_{ĐPđt} - V_{đpđtx} - V_{đpđtcđt}$$

Trong đó:

$V_{đpđtp}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho phường;

$V_{ĐPđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách địa phương.

$V_{đpđtcđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ ($G_{đpđtp}$) theo công thức sau:

$$G_{đpđtp} = \frac{V_{đpđtp}}{T_p}$$

Trong đó:

T_p: Tổng điểm phân bổ của tất cả các phường.

- Xác định mức vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho phường i ($V_{đpđtpi}$) được xác định như sau: $V_{đpđtpi} = G_{đpđtp} \times T_{pi}$

Trong đó:

+ Ngân sách thành phố phân bổ cho phường i ($V_{tpđtpi}$) được xác định như sau:

$V_{tpđtpi}$ = $V_{đpđtpi}$ x Tỷ lệ đối ứng của ngân sách thành phố theo khoản 2 Điều 5 Quy định này.

+ Ngân sách phường i đối ứng ($V_{đtpi}$) được xác định như sau:

$V_{đtpi}$ = $V_{đpđtpi}$ x Tỷ lệ đối ứng của ngân sách phường i theo khoản 2 Điều 5 Quy định này.

b2) Phân bổ phần kinh phí chi thường xuyên

- Kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương còn lại phân bổ cho các phường ($V_{đptxp}$) được xác định như sau:

$$V_{đptxp} = V_{ĐPtx} - V_{đptxx} - V_{đptxsn}$$

Trong đó:

$V_{đptxsn}$: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ ($G_{đptxp}$) theo công thức sau:

$$G_{đptxp} = \frac{V_{đptxp}}{T_p}$$

- Kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương phân bổ cho phường i ($V_{đptxpi}$) được xác định như sau: $V_{đptxpi} = T_{pi} \times G_{đptxp}$

Chương III
NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN HỢP PHẦN VĂN HÓA

Điều 9. Tiêu chí phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố

1. Tiêu chí phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố theo khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Vốn đầu tư

a) Ngân sách trung ương phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố số vốn tối đa 40% tổng nguồn vốn ngân sách trung ương.

b) Ngân sách thành phố phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố để đối ứng.

3. Kinh phí chi thường xuyên

a) Ngân sách trung ương phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố số vốn tối đa 40% tổng nguồn vốn ngân sách trung ương.

b) Ngân sách thành phố phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố để đối ứng theo quy định.

Điều 10. Tiêu chí phân bổ vốn cho các xã, phường

1. Theo tiêu chí chung quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng trên địa bàn xã, phường quản lý

Di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng	Điểm
Di tích cấp quốc gia đặc biệt	5
Di tích quốc gia	2

3. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn

a) Tổng điểm phân bổ của xã i, phường i được xác định như sau**:**

$$\mathbf{T_i = TĐĐT_i + TĐDT_i + TĐDS_i + TĐVH_i}$$

Trong đó:

T_i: Tổng điểm phân bổ của xã i, phường i;

$TĐĐT_i$: Số điểm theo tiêu chí đối tượng xã i, phường i;

$TĐDT_i$: Số điểm theo tiêu chí diện tích của xã i, phường i;

$TĐDS_i$: Số điểm theo tiêu chí quy mô dân số của xã i, phường i;

$TĐVH_i$: Số điểm theo tiêu chí di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng của xã i, phường i quản lý.

b) Ngân sách trung ương:

b1) Phân bổ vốn đầu tư ngân sách trung ương cho các xã, phường được xác định như sau:

$$V_{TWđtxp} = V_{TWđt} - V_{TWđtcđt}$$

Trong đó:

$V_{TWđtxp}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương phân bổ cho xã, phường;

$V_{TWđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương.

$V_{TWđtcđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ vốn đầu tư ngân sách trung ương ($G_{TWđtxp}$) cho xã, phường theo công thức sau:

$$G_{TWđtxp} = \frac{V_{TWđtxp}}{T}$$

Trong đó:

T: Tổng điểm phân bổ của tất cả các xã, phường.

- Phân bổ vốn đầu tư ngân sách trung ương cho xã, phường i ($V_{TWđtxpi}$) được xác định như sau:

$$V_{TWđtxpi} = T_i \times G_{TWđtxp}$$

b2) Phân bổ phần kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương cho xã, phường được xác định như sau:

$$V_{TWtxxp} = V_{TWtx} - V_{TWtxsn}$$

Trong đó:

V_{TWtxxp}: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho xã, phường;

V_{TWtx}: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương;

V_{TWtxsn}: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, chủ đầu tư thuộc thành phố.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ (G_{TWtxxp}) kinh phí chi thường xuyên cho xã, phường theo công thức sau:

$$G_{TWtxxp} = \frac{V_{TWtxxp}}{T}$$

- Phân bổ kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương cho xã i, phường i ($V_{TWtxxpi}$) được xác định như sau:

$$V_{TWtxxpi} = T_i \times G_{TWtxxp}$$

c) Ngân sách địa phương

c1) Phân bổ vốn đầu tư

- Vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho các xã, phường được xác định như sau:

$$V_{đpđtxp} = V_{ĐPđt} - V_{đpđtcđt}$$

Trong đó:

$V_{đpđtxp}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho xã, phường;

$V_{ĐPđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách địa phương.

$V_{đpđtcđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ ($G_{đpđtxp}$) cho xã, phường theo công thức sau:

$$G_{đpđtxp} = \frac{V_{đpđtxp}}{T}$$

- Xác định mức vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho xã i, phường i ($V_{đpđtxpi}$) được xác định như sau: $V_{đpđtxpi} = G_{đpđtxp} \times T_i$

Trong đó:

+ Ngân sách thành phố phân bổ cho xã i, phường i ($V_{tpđtxpi}$) được xác định như sau:

$V_{tpđtxpi} = V_{đpđtxpi}$ x Tỷ lệ đối ứng của ngân sách thành phố theo khoản 2 Điều 5 Quy định này.

+ Ngân sách xã i, phường i đối ứng ($V_{đtxpi}$) được xác định như sau:

$V_{đtxpi} = V_{đpđtxpi}$ x Tỷ lệ đối ứng của ngân sách xã i, phường i theo khoản 2 Điều 5 Quy định này.

c2) Phân bổ phần kinh phí chi thường xuyên

- Kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương còn lại phân bổ cho các xã, phường được xác định như sau: $V_{đptxxp} = V_{ĐPtx} - V_{đptxsn}$

Trong đó:

$V_{đptxxp}$: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương phân bổ cho các xã, phường;

$V_{ĐPtx}$: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương;

$V_{đptxsn}$: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, chủ đầu tư thuộc thành phố.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ ($G_{đptxxp}$) cho xã, phường theo công thức sau:

$$G_{đptxxp} = \frac{V_{đptxxp}}{T}$$

- Kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương phân bổ cho xã i, phường i ($V_{đptxxpi}$) được xác định như sau: $V_{đptxxpi} = T_i \times G_{đptxxp}$

Chương IV
NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN HỢP PHẦN CHĂM SÓC SỨC KHỎE, DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

Điều 11. Tiêu chí phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố

1. Tiêu chí phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố theo khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Vốn đầu tư

a) Ngân sách trung ương phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố để thực hiện đầu tư thiết bị cho hệ thống phòng bệnh và nâng cao sức khỏe; đầu tư xây mới, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm tài sản, trang thiết bị cho cơ sở chăm sóc người cao tuổi, cơ sở bảo trợ xã hội. Số vốn phân bổ tối đa 15% tổng nguồn vốn ngân sách trung ương.

b) Ngân sách thành phố phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố để đối ứng.

3. Kinh phí chi thường xuyên

a) Ngân sách trung ương phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố số vốn tối đa 15% tổng nguồn vốn ngân sách trung ương.

b) Ngân sách thành phố phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố để đối ứng theo quy định.

Điều 12. Tiêu chí phân bổ vốn cho các xã, phường

1. Theo tiêu chí chung quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên (tiêu chí ưu tiên áp dụng phân bổ kinh phí chi thường xuyên)

Tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên	Điểm
Trên 14%:	3
Từ 7% đến 14%:	1,5
Dưới 7%:	0,3

3. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi (tiêu chí ưu tiên áp dụng phân bổ kinh phí chi thường xuyên)

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi	Điểm
Tỷ lệ trên 20%:	3
Từ 10% đến 20%	1,5
Dưới 10%:	0,3

4. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn

a) Ngân sách trung ương:

a1) Phân bổ vốn đầu tư

- Vốn đầu tư ngân sách trung ương phân bổ cho các xã, phường để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị cho y tế cơ sở; xây mới, nâng cấp, mở rộng hạ tầng và đầu tư thiết bị cho các Trạm Y tế xã, phường, cơ sở quân dân y do chính quyền địa phương quản lý (ưu tiên đầu tư cho các trạm y tế xã biên giới khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn) được xác định như sau:

$$V_{TWđtxp} = V_{TWđt} - V_{TWđtcđt}$$

Trong đó:

$V_{TWđtxp}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương phân bổ cho xã, phường;

$V_{TWđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương.

$V_{TWđtcđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố.

- Tổng điểm phân bổ vốn đầu tư của xã i, phường i được xác định như sau:

$$\mathbf{T_{đti} = TĐĐT_i + TĐDT_i + TĐDS_i}$$

Trong đó:

$T_{đti}$: Tổng điểm phân bổ vốn đầu tư của xã i, phường i;

$TĐĐT_i$: Số điểm theo tiêu chí đối tượng xã i, phường i;

$TĐDT_i$: Số điểm theo tiêu chí diện tích của xã i, phường i;

$TĐDS_i$: Số điểm theo tiêu chí quy mô dân số của xã i, phường i;

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ vốn đầu tư ngân sách trung ương ($G_{TWđtxp}$) cho xã, phường theo công thức sau:

$$G_{TWđtxp} = \frac{V_{TWđtxp}}{T_{đt}}$$

Trong đó:

$T_{đt}$: Tổng điểm phân bổ vốn đầu tư của tất cả các xã, phường.

- Phân bổ vốn đầu tư ngân sách trung ương cho xã i, phường i ($V_{TWđtxpi}$) được xác định như sau:

$$V_{TWđtxpi} = T_{đti} \times G_{TWđtxp}$$

a2) Phân bổ phần kinh phí chi thường xuyên

- Kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho xã, phường được xác định như sau:

$$V_{TWtxxp} = V_{TWtx} - V_{TWtxsn}$$

Trong đó:

V_{TWtxxp}: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho xã, phường;

V_{TWtx}: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương;

V_{TWtxsn}: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, chủ đầu tư thuộc thành phố.

- Tổng điểm phân bổ kinh phí chi thường xuyên của xã i, phường i được xác định như sau:

$$\mathbf{T_{txi} = TĐĐT_i + TĐDT_i + TĐDS_i + TNCT_i + TSDD_i}$$

Trong đó:

T_{txi}: Tổng điểm phân bổ kinh phí chi thường xuyên của xã i, phường i;

$TĐĐT_i$: Số điểm theo tiêu chí đối tượng xã i, phường i;

$TĐDT_i$: Số điểm theo tiêu chí diện tích của xã i, phường i;

$TĐDS_i$: Số điểm theo tiêu chí quy mô dân số của xã i, phường i;

$TNCT_i$: Số điểm theo tiêu chí tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên của xã i, phường i;

$TSDD_i$: Số điểm theo tiêu chí tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của xã i, phường i.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ (G_{TWtxxp}) kinh phí chi thường xuyên cho xã, phường theo công thức sau:

$$G_{TWtxxp} = \frac{V_{TWtxxp}}{T_{tx}}$$

Trong đó:

T_{tx}: Tổng điểm phân bổ kinh phí chi thường xuyên của tất cả các xã, phường.

- Kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho xã i, phường i ($V_{TWtxxpi}$) được xác định như sau:

$$V_{TWtxxpi} = T_{txi} \text{ x } G_{TWtxxp}$$

b) Ngân sách địa phương

b1) Phân bổ vốn đầu tư

- Vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho các xã, phường được xác định như sau:

$$V_{đpđtxp} = V_{ĐPđt} - V_{đpđtcđt}$$

Trong đó:

$V_{đpđtxp}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho xã, phường;

$V_{ĐPđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách địa phương.

$V_{đpđtcđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ ($G_{đpđtxp}$) cho xã, phường theo công thức sau:

$$G_{đpđtxp} = \frac{V_{đpđtxp}}{T_{đt}}$$

- Xác định mức vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho xã i, phường i ($V_{đpđtxpi}$) được xác định như sau: $V_{đpđtxpi} = G_{đpđtxp} \text{ x } T_{đti}$

Trong đó:

+ Ngân sách thành phố phân bổ cho xã i, phường i ($V_{tpđtxpi}$) được xác định như sau:

$V_{tpđtxpi} = V_{đpđtxpi}$ x Tỷ lệ đối ứng của ngân sách thành phố theo khoản 2 Điều 5 Quy định này.

+ Ngân sách xã i, phường i đối ứng ($V_{đtxpi}$) được xác định như sau:

$V_{đtxpi} = V_{đpđtxpi}$ x Tỷ lệ đối ứng của ngân sách xã i, phường i theo khoản 2 Điều 5 Quy định này.

b2) Phân bổ phần kinh phí chi thường xuyên

- Kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương còn lại phân bổ cho các xã, phường được xác định như sau: $V_{đptxxp} = V_{ĐPtx} - V_{đptxsn}$

Trong đó:

$V_{đptxxp}$: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương phân bổ cho các xã, phường;

$V_{ĐPtx}$: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương;

$V_{đptxsn}$: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, chủ đầu tư thuộc thành phố.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ ($G_{đptxxp}$) cho xã, phường theo công thức sau:

$$G_{đptxxp} = \frac{V_{đptxxp}}{T_{tx}}$$

- Kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương phân bổ cho xã i, phường i ($V_{đptxxpi}$) được xác định như sau: $V_{đptxxpi} = T_{txi}$ x $G_{đptxxp}$

Chương V
NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN HỢP PHẦN HIỆN ĐẠI HOÁ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 13. Tiêu chí phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố.

1. Tiêu chí phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố theo khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Vốn đầu tư

a) Ngân sách trung ương phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố số vốn tối đa 45% tổng nguồn vốn ngân sách trung ương.

b) Ngân sách thành phố phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố để đối ứng.

3. Kinh phí chi thường xuyên

a) Ngân sách trung ương phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố số vốn tối đa 45% tổng nguồn

vốn ngân sách trung ương.

b) Ngân sách thành phố phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; chủ đầu tư thuộc thành phố để đối ứng.

Điều 14. Tiêu chí phân bổ vốn cho các xã, phường

1. Theo tiêu chí chung quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

2. Tiêu chí, số điểm phân bổ theo nhu cầu và mức độ ưu tiên đầu tư đối với giáo dục mầm non, phổ thông

Nhu cầu và mức độ ưu tiên đầu tư đối với giáo dục mầm non, phổ thông	**Số điểm tính cho 1 phòng/1 mức độ thiếu hụt**
Phòng học tạm, cấp 4 xuống cấp cần kiên cố hóa	0,13
Phòng học cần đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và tổ chức dạy học 02 buổi/ngày	0,12
Phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, công trình phục vụ nội trú, bán trú cho học sinh và thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu	0,10

3. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn

a) Tổng điểm phân bổ của xã, phường i được xác định như sau:

$$\mathbf{T_i = TĐĐT_i + TĐDT_i + TĐDS_i + TĐGD_i}$$

Trong đó:

T_i: Tổng điểm phân bổ của xã i, phường i;

$TĐĐT_i$: Số điểm theo tiêu chí đối tượng xã i, phường i;

$TĐDT_i$: Số điểm theo tiêu chí diện tích của xã i, phường i;

$TĐDS_i$: Số điểm theo tiêu chí quy mô dân số của xã i, phường i;

$TĐGD_i$: Số điểm theo tiêu chí phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, công trình phục vụ nội trú, bán trú cho học sinh và thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu cần xây mới, nâng cấp do xã i, phường i quản lý;

b) Ngân sách trung ương:

b1) Phân bổ vốn đầu tư ngân sách trung ương cho các xã, phường được xác định như sau:

$$V_{TWđtxp} = V_{TWđt} - V_{TWđtcđt}$$

Trong đó:

$V_{TWđtxp}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương phân bổ cho xã, phường;

$V_{TWđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương.

$V_{TWđtcđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ vốn đầu tư ngân sách trung ương ($G_{TWđtxp}$) cho xã, phường theo công thức sau:

$$G_{TWđtxp} = \frac{V_{TWđtxp}}{T}$$

Trong đó:

T: Tổng điểm phân bổ của tất cả các xã, phường.

- Phân bổ vốn đầu tư ngân sách trung ương cho xã i, phường i ($V_{TWđtxpi}$) được xác định như sau:

$$V_{TWđtxpi} = T_i \times G_{TWđtxp}$$

b2) Phân bổ kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương cho xã, phường được xác định như sau:

$$V_{TWtxxp} = V_{TWtx} - V_{TWtxsn}$$

Trong đó:

V_{TWtxxp}: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho xã, phường;

V_{TWtx}: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương;

V_{TWtxsn}: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, chủ đầu tư thuộc thành phố.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ (G_{TWtxxp}) kinh phí chi thường xuyên cho xã, phường theo công thức sau:

$$G_{TWtxxp} = \frac{V_{TWtxxp}}{T}$$

- Phân bổ kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương cho xã i, phường i ($V_{TWtxxpi}$) được xác định như sau:

$$V_{TWtxxpi} = T_i \times G_{TWtxxp}$$

c) Ngân sách địa phương

c1) Phân bổ vốn đầu tư

- Vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho các xã, phường được xác định như sau:

$$V_{đpđtxp} = V_{ĐPđt} - V_{đpđtcđt}$$

Trong đó:

$V_{đpđtxp}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho xã, phường;

$V_{ĐPđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách địa phương.

$V_{đpđtcđt}$: Tổng vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho chủ đầu tư thuộc thành phố.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ ($G_{đpđtxp}$) cho xã, phường theo công thức sau:

$$G_{đpđtxp} = \frac{V_{đpđtxp}}{T}$$

- Xác định mức vốn đầu tư ngân sách địa phương phân bổ cho xã i, phường i ($V_{đpđtxpi}$) được xác định như sau: $V_{đpđtxpi} = G_{đpđtxp} \times T_i$

Trong đó:

+ Ngân sách thành phố phân bổ cho xã i, phường i ($V_{tpđtxpi}$) được xác định như sau:

$V_{tpđtxpi} = V_{đpđtxpi}$ x Tỷ lệ đối ứng của ngân sách thành phố theo khoản 2 Điều 5 Quy định này.

+ Ngân sách xã i, phường i đối ứng ($V_{đtxpi}$) được xác định như sau:

$V_{đtxpi} = V_{đpđtxpi}$ x Tỷ lệ đối ứng của ngân sách xã i, phường i theo khoản 2 Điều 5 Quy định này.

c2) Phân bổ phần kinh phí chi thường xuyên

- Kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương còn lại phân bổ cho các xã, phường được xác định như sau: $V_{đptxxp} = V_{ĐPtx} - V_{đptxsn}$

Trong đó:

$V_{đptxxp}$: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương phân bổ cho các xã, phường;

$V_{ĐPtx}$: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương;

$V_{đptxsn}$: Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương phân bổ cho các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, chủ đầu tư thuộc thành phố.

- Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ ($G_{đptxxp}$) cho xã, phường theo công thức sau:

$$G_{đptxxp} = \frac{V_{đptxxp}}{T}$$

- Kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương phân bổ cho xã i, phường i ($V_{đptxxpi}$) được xác định như sau: $V_{đptxxpi} = T_i \times G_{đptxxp}$

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

Việc quản lý, phân bổ và sử dụng vốn ngân sách nhà nước để tiếp tục thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc trường hợp chuyển tiếp được thực hiện theo quy định tương ứng tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 53 Nghị định số 387/2026/NĐ-CP.